

Số:944 /QĐ-BNV

Hà Nội, ngày 22 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận Điều lệ (sửa đổi, bổ sung)
Quỹ hỗ trợ hộ gia đình thu nhập thấp phát triển kinh tế

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Căn cứ Nghị định số 63/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện;

Theo đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ hỗ trợ hộ gia đình thu nhập thấp phát triển kinh tế và Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) lần thứ nhất của Quỹ hỗ trợ hộ gia đình thu nhập thấp phát triển kinh tế ban hành kèm theo Quyết định này. Điều lệ này thay thế Điều lệ được công nhận tại Quyết định số 977/QĐ-BNV ngày 28 tháng 4 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc cấp Giấy phép thành lập và công nhận Điều lệ Quỹ hỗ trợ hộ gia đình thu nhập thấp phát triển kinh tế.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ hỗ trợ hộ gia đình thu nhập thấp phát triển kinh tế, Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ và Chánh Văn phòng Bộ Nội vụ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Vũ Chiến Thắng;
- Bộ LĐ-TB&XH;
- Lưu: VT, TCPCP, N.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



ĐIỀU LỆ (SỬA ĐỔI, BỔ SUNG)
QUỸ HỖ TRỢ HỘ GIA ĐÌNH THU NHẬP THẤP
PHÁT TRIỂN KINH TẾ

(Được công nhận kèm theo Quyết định số: /QĐ-BNV
ngày tháng 11 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên gọi, biểu tượng, trụ sở

1. Tên gọi:

a) Tên tiếng Việt: Quỹ hỗ trợ hộ gia đình thu nhập thấp phát triển kinh tế;

b) Tên tiếng Anh: Economic Development Supports Foundation for Low Income Households;

c) Tên viết tắt tiếng Anh: EDSF.

2. Biểu tượng (logo) của Quỹ được đăng ký bản quyền theo quy định của pháp luật.

3. Trụ sở: Phòng 304 khu thương mại, chung cư Học viện Quốc phòng, phường Xuân La, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội.

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

Quỹ hỗ trợ hộ gia đình thu nhập thấp phát triển kinh tế (sau đây gọi tắt là Quỹ) là Quỹ xã hội, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, nhằm mục đích giảm thiểu rủi ro, cải thiện, nâng cao điều kiện sống và kỹ năng kinh doanh cho các hộ gia đình, đặc biệt các hộ gia đình nghèo hoặc gặp nhiều khó khăn, rủi ro trong phát triển kinh tế tại các vùng nông thôn, miền núi, vùng đặc biệt khó khăn. Thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển kinh tế hộ gia đình Việt Nam, thông qua việc nghiên cứu, thử nghiệm, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, kinh nghiệm, mô hình sản xuất và các kỹ năng phát triển kinh doanh phát triển cộng đồng, phát huy vai trò quan trọng của kinh tế hộ gia đình trong hội nhập kinh tế quốc tế đóng góp vào quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức, phạm vi hoạt động và địa vị pháp lý

1. Quỹ được hình thành từ tài sản đóng góp ban đầu của các sáng lập viên và tăng trưởng tài sản Quỹ trên cơ sở vận động tài trợ, vận động quyên góp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật để thực hiện các hoạt động theo tôn chỉ, mục đích của Quỹ.

2. Quỹ tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc:

- a) Thành lập và hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận;
- b) Tự nguyện, tự chủ, tự trang trải kinh phí và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật bằng tài sản của Quỹ;
- c) Tổ chức, hoạt động theo quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ được Bộ Nội vụ công nhận, chịu sự quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương Binh và Xã hội về ngành, lĩnh vực Quỹ hoạt động;
- d) Công khai, minh bạch về tổ chức, hoạt động và thu, chi, tài chính, tài sản của Quỹ;
- đ) Không phân chia tài sản của Quỹ trong quá trình Quỹ đang hoạt động.

3. Quỹ có phạm vi hoạt động trong toàn quốc.

4. Quỹ có tư cách pháp nhân, có con dấu, tài khoản tại ngân hàng theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Sáng lập viên thành lập Quỹ

Ban sáng lập Quỹ có 05 (năm) sáng lập viên thành lập Quỹ, gồm:

1. Ông Nguyễn Thanh Hà

Sinh ngày 23 tháng 03 năm 1978.

Nơi sinh: thôn Gà, xã Cổ Loa, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

Quê quán: thôn Gà, xã Cổ Loa, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

Dân tộc: Kinh.

Quốc tịch: Việt Nam.

Căn cước công dân: số 001078002019 do Cục Cảnh sát đăng ký quản lý cư trú và dữ liệu quốc gia về dân cư cấp ngày 18 tháng 7 năm 2014.

Địa chỉ thường trú, nơi ở hiện nay: Thôn Gà, xã Cổ Loa, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

2. Bà Trần Thị Thu Hiền

Sinh ngày 27 tháng 12 năm 1974.

Nơi sinh: xã Xuân Trung, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định.

Quê quán: xã Xuân Trung, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định.

Dân tộc: Kinh.

Quốc tịch: Việt Nam.

Căn cước công dân: số 036174000515 do Cục Cảnh sát đăng ký quản lý cư trú và dữ liệu quốc gia về dân cư cấp ngày 09 tháng 10 năm 2015.

Địa chỉ thường trú, nơi ở hiện nay: Tổ 6, Đại Đồng, Thanh Trì, Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

3. Ông Nguyễn Văn Ga

Sinh ngày 07 tháng 02 năm 1973.

Nơi sinh: xã Minh Châu, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên.

Quê quán: xã Minh Châu, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên.

Dân tộc: Kinh.

Quốc tịch: Việt Nam.

Căn cước công dân: số 033073000028 do Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 22 tháng 09 năm 2022.

Địa chỉ thường trú, nơi ở hiện nay: Tổ 5, Đức Thắng, Bắc Từ Liêm, Hà Nội.

4. Ông Bùi Quang Chung

Sinh ngày 03 tháng 01 năm 1971.

Nơi sinh: Phố Thụy Khuê, phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Quê quán: xã Đông Trung, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình.

Dân tộc: Kinh.

Quốc tịch: Việt Nam.

Căn cước công dân: số 001071000423 do Cục Cảnh sát đăng ký quản lý cư trú và dữ liệu quốc gia về dân cư cấp ngày 22 tháng 05 năm 2013.

Địa chỉ thường trú, nơi ở hiện nay: 511-512 Nhà D1, Tập thể Hồ Việt Xô, phố Tây Kết, Bạch Đằng, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

5. Ông Ngô Hồng Nam

Sinh ngày 18 tháng 09 năm 1980.

Nơi sinh: xã Tả Thanh Oai, huyện Thanh trì, thành phố Hà Nội.

Quê quán: xã Tả Thanh Oai, huyện Thanh trì, thành phố Hà Nội.

Dân tộc: Kinh.

Quốc tịch: Việt Nam.

Căn cước công dân: số 001080049254 do Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 10 tháng 05 năm 2021.

Địa chỉ thường trú, nơi ở hiện nay: Đội 9, xã Tả Thanh Oai, huyện Thanh trì, thành phố Hà Nội.

Chương II

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ; QUYỀN HẠN VÀ NGHĨA VỤ

Điều 5. Chức năng, nhiệm vụ

1. Sử dụng nguồn tài sản của Quỹ để hỗ trợ, tài trợ cho các đối tượng, các chương trình, dự án phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Quỹ và quy định của pháp luật.

2. Tiếp nhận và quản lý tài sản được tài trợ, viện trợ theo ủy quyền từ các tổ chức cá nhân trong và ngoài nước để thực hiện các hoạt động theo hợp đồng ủy quyền phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Quỹ và quy định của pháp luật.

3. Xây dựng kế hoạch, chương trình, dự án, tìm nguồn tài trợ và triển khai thực hiện kế hoạch, chương trình, dự án theo đúng tôn chỉ, mục đích hoạt động của Quỹ và quy định của pháp luật.

4. Vận động, khuyến khích và nâng cao tinh thần trách nhiệm xã hội của cộng đồng, góp phần cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho người thu nhập thấp, người nghèo, từ đó góp phần thu hẹp khoảng cách về trình độ phát triển giữa các vùng, miền; giữa các dân tộc, nhóm dân cư và giúp đỡ các hộ gia đình phát triển kinh tế, góp phần thực hiện thành công chủ trương giảm nghèo của Đảng và Nhà nước.

5. Tổ chức tuyên truyền, vận động quyên góp, tài trợ cho Quỹ; tiếp nhận tài sản từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tài trợ, hiến, tặng hoặc bằng các hình thức khác theo đúng mục đích của Quỹ và quy định của pháp luật để bảo tồn và tăng trưởng tài sản của Quỹ.

6. Nghiên cứu, ứng dụng các chương trình, dự án, phát hiện, đánh giá và xây dựng các mô hình phát triển kinh doanh nhằm cải thiện tích cực chất lượng và hoạt động phát triển kinh tế của các hộ gia đình một cách bền vững trong điều kiện hội nhập.

7. Giữ vai trò cầu nối, tìm kiếm các nguồn đầu tư, trong đó đặc biệt chú ý đến các nguồn tài chính do các tổ chức tài chính quy mô nhỏ cung cấp, bao gồm cả việc đào tạo và nâng cao kỹ năng kinh doanh, các mô hình phát triển kinh tế hộ gia đình, tiếp cận các tiến bộ trong ứng dụng khoa học, kỹ thuật vào hoạt động sản xuất kinh doanh.

8. Trợ giúp, vận động, giới thiệu các tổ chức, nhà khoa học trực tiếp nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ và dịch vụ tạo điều kiện cho các hộ gia đình thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh.

9. Thực hiện trợ giúp thông qua các hoạt động đào tạo, tập huấn, cung cấp tài liệu, hỗ trợ vật tư, giống, xây dựng và nhân rộng các mô hình khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư hoạt động có hiệu quả cho các hộ gia đình. Đồng thời tổ chức các dịch vụ kết nối thị trường, hội chợ để trợ giúp các hộ gia đình trong việc xúc tiến thương mại, quảng bá, giới thiệu sản phẩm, cung cấp thông tin thị trường.

10. Cung cấp các dịch vụ phát triển kinh doanh như tiếp thị, tập huấn và cung cấp kỹ năng quản lý tài chính giúp các hộ gia đình phát triển kinh doanh và kiểm soát các chi phí cũng như sử dụng vốn vay có hiệu quả.

11. Được tổ chức mạng lưới công tác viên, phối hợp với các cá nhân, tổ chức để tạo, tìm kiếm nguồn tài chính cho Quỹ, nhằm triển khai các chương trình, dự án cụ thể và các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ Quỹ và quy định của pháp luật để bảo tồn và tăng trưởng tài sản Quỹ.

12. Tổ chức các lớp đào tạo, tư vấn và giúp các hộ gia đình tìm kiếm các ý tưởng, lập dự án kinh doanh và giúp họ tiếp cận các nguồn vốn để phát triển kinh doanh phù hợp với quy định của pháp luật hoặc hỗ trợ trực tiếp cho các chương trình, dự án, ý tưởng kinh doanh có tính khả thi cao của các hộ gia đình thu nhập thấp để phát triển kinh tế, phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Quỹ.

Điều 6. Quyền hạn và nghĩa vụ

1. Quyền hạn của Quỹ:

a) Tổ chức, hoạt động theo pháp luật và Điều lệ Quỹ đã được Bộ trưởng Bộ Nội vụ công nhận;

b) Vận động quyên góp, tài trợ cho Quỹ; tiếp nhận tài sản do các cá nhân, tổ chức trong nước và ngoài nước tài trợ, hiến, tặng hoặc bằng các hình thức khác theo đúng mục đích của Quỹ và quy định của pháp luật. Tổ chức các hoạt động theo quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ để bảo tồn và tăng trưởng tài sản Quỹ;

c) Được thành lập pháp nhân trực thuộc Quỹ phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Quỹ và theo quy định của pháp luật để thực hiện một số nhiệm vụ của Quỹ theo quy định của Điều lệ Quỹ;

d) Được quyền khiếu nại theo quy định của pháp luật;

đ) Quỹ được phối hợp với cá nhân, tổ chức để vận động quyên góp, vận động tài trợ cho Quỹ hoặc để triển khai các đề án, dự án cụ thể của Quỹ theo quy định của pháp luật;

e) Phối hợp với các địa phương, tổ chức, cá nhân cần sự trợ giúp để xây dựng và thực hiện các đề án tài trợ theo mục đích hoạt động của Quỹ.

2. Nghĩa vụ của Quỹ:

a) Quỹ hoạt động trong lĩnh vực nào thì phải chịu sự quản lý của cơ quan nhà nước về ngành, lĩnh vực đó và chỉ được tiếp nhận tài trợ, vận động tài trợ trong phạm vi hoạt động theo Điều lệ của Quỹ;

b) Thực hiện tài trợ đúng theo yêu cầu của cá nhân, tổ chức đã ủy quyền phù hợp với mục đích của Quỹ;

c) Lưu trữ và có trách nhiệm cung cấp đầy đủ hồ sơ, các chứng từ, tài liệu về tài sản, tài chính của Quỹ, nghị quyết, biên bản về các hoạt động của Quỹ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

d) Sử dụng tài sản, tài chính tiết kiệm và hiệu quả theo đúng mục đích của Quỹ; nộp thuế, phí, lệ phí và thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán, thống kê theo quy định của pháp luật; phải đăng ký mã số thuế và kê khai thuế theo quy định của pháp luật về thuế;

đ) Chịu sự thanh tra, kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước, các tổ chức, cá nhân tài trợ và cộng đồng theo quy định của pháp luật. Có trách nhiệm giải

quyết khiếu nại, tố cáo trong nội bộ Quỹ và báo cáo kết quả giải quyết với cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

e) Hàng năm, Quỹ có trách nhiệm công khai các khoản đóng góp trên phương tiện thông tin đại chúng trước ngày 31 tháng 03;

g) Khi thay đổi trụ sở chính hoặc Giám đốc Quỹ, Quỹ phải báo cáo bằng văn bản với cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép thành lập Quỹ;

h) Hàng năm, quỹ phải báo cáo tình hình tổ chức, hoạt động và tài chính với cơ quan cấp Giấy phép thành lập và công nhận Điều lệ Quỹ, cơ quan quản lý nhà nước về tài chính cùng cấp với cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép thành lập Quỹ, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực hoạt động của Quỹ và báo cáo với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi Quỹ đặt trụ sở trước ngày 31 tháng 12;

i) Thực hiện các quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan đến tổ chức, hoạt động của Quỹ và các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ.

Chương III TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG

Điều 7. Cơ cấu tổ chức

1. Hội đồng quản lý Quỹ.
2. Ban Kiểm soát Quỹ.
3. Giám đốc, Phó Giám đốc Quỹ.
4. Văn phòng và các phòng, ban chuyên môn.
5. Văn phòng đại diện hoặc chi nhánh và các đơn vị trực thuộc (nếu có).

Điều 8. Hội đồng quản lý Quỹ

1. Hội đồng quản lý Quỹ là cơ quan quản lý của Quỹ, nhân danh Quỹ để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Quỹ; các thành viên phải có đủ năng lực hành vi dân sự và không có án tích. Hội đồng quản lý Quỹ có tối thiểu 03 thành viên do sáng lập viên đề cử, trường hợp không có đề cử của sáng lập viên thành lập Quỹ, Hội đồng quản lý Quỹ nhiệm kỳ trước bầu ra Hội đồng quản lý Quỹ nhiệm kỳ tiếp theo và được Bộ trưởng Bộ Nội vụ công nhận. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản lý Quỹ không quá 05 năm. Hội đồng quản lý Quỹ gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên.

2. Hội đồng quản lý Quỹ có các nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

a) Quyết định chiến lược phát triển và kế hoạch hoạt động hàng năm của Quỹ;

b) Quyết định các giải pháp phát triển Quỹ; thông qua hợp đồng vay, mua, bán tài sản, các thỏa thuận có giá trị từ 1.000.000.000 VNĐ (một tỷ đồng) trở lên;

c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản lý Quỹ để Bộ trưởng Bộ Nội vụ công nhận; quyết định thành lập Ban

Kiểm soát Quỹ; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Giám đốc Quỹ hoặc ký và chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc Quỹ trong trường hợp Giám đốc Quỹ là người do Quỹ thuê; quyết định người phụ trách công tác kế toán và người quản lý khác quy định tại Điều lệ Quỹ;

d) Quyết định mức lương, chế độ, chính sách khác (nếu có) đối với Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản lý Quỹ, Giám đốc, người phụ trách kế toán Quỹ và người làm việc tại Quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ và theo quy định của pháp luật;

đ) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm, phương án sử dụng tài sản, tài chính Quỹ;

e) Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý Quỹ theo quy định của pháp luật và theo Điều lệ Quỹ;

g) Quyết định thành lập pháp nhân trực thuộc Quỹ, thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện Quỹ theo quy định của pháp luật;

h) Đề nghị cơ quan có thẩm quyền thành lập Quỹ cho phép đổi tên; sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ;

i) Quyết định giải thể hoặc đề xuất những thay đổi về Giấy phép thành lập và công nhận Điều lệ Quỹ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

k) Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày có Quyết định công nhận Quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận Hội đồng quản lý Quỹ, Hội đồng quản lý Quỹ có trách nhiệm xây dựng, ban hành: Quy định về quản lý và sử dụng tài sản, tài chính, các định mức chi tiêu của Quỹ; Quy định công tác khen thưởng, kỷ luật và giải quyết phản ánh, kiến nghị, khiếu nại tố cáo trong nội bộ Quỹ; Quy định về thời gian làm việc, việc sử dụng lao động và sử dụng con dấu của Quỹ; Quy định cụ thể việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản lý; Quy định cụ thể việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Giám đốc hoặc chấm dứt hợp đồng lao động đối với Giám đốc Quỹ và Quy chế làm việc của Hội đồng quản lý Quỹ, Ban Kiểm soát Quỹ; Các quy định trong nội bộ Quỹ phù hợp với quy định của Điều lệ Quỹ và quy định của pháp luật;

l) Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ.

3. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ:

a) Cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ triệu tập và chủ trì (trường hợp Chủ tịch vắng mặt, Phó Chủ tịch được Chủ tịch ủy quyền chủ trì cuộc họp). Hội đồng quản lý Quỹ họp định kỳ mỗi năm hai lần, có thể họp bất thường theo yêu cầu của trên 1/2 số thành viên Hội đồng quản lý Quỹ. Cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ là hợp lệ khi có 1/2 số thành viên Hội đồng quản lý Quỹ tham gia. Việc triệu tập cuộc họp Hội đồng Quản lý Quỹ phải được thông báo đến toàn bộ thành viên của Hội đồng tối thiểu trước 10 ngày;

b) Mỗi thành viên Hội đồng quản lý Quỹ có một phiếu biểu quyết. Trong trường hợp số thành viên có mặt tại cuộc họp không đầy đủ, người chủ trì cuộc

họp Hội đồng quản lý Quỹ xin ý kiến bằng văn bản; ý kiến bằng văn bản của thành viên vắng mặt có giá trị như ý kiến của thành viên có mặt tại cuộc họp;

c) Các quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ được thông qua khi có ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng quản lý Quỹ biểu quyết tán thành.

Điều 9. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ

1. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ là công dân Việt Nam được Hội đồng quản lý Quỹ bầu và là người đại diện theo pháp luật của Quỹ. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ có thể kiêm Giám đốc Quỹ.

2. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ có các nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

a) Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ;

b) Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu họp Hội đồng quản lý Quỹ hoặc để lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ;

c) Triệu tập và chủ trì cuộc họp Hội đồng quản lý Quỹ hoặc tổ chức việc lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ;

d) Giám sát hoặc tổ chức giám sát việc thực hiện các quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ;

đ) Thay mặt Hội đồng quản lý Quỹ ký các quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ;

e) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ.

3. Nhiệm kỳ của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ không quá 05 năm. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ kiêm Giám đốc Quỹ thì phải ghi rõ trong các giấy tờ giao dịch của Quỹ.

5. Trường hợp vắng mặt thì Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ ủy quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Quỹ.

Điều 10. Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ

1. Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ do Hội đồng quản lý Quỹ bầu và có nhiệm kỳ cùng với nhiệm kỳ của Hội đồng quản lý Quỹ.

2. Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ có nhiệm vụ giúp Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ điều hành các hoạt động của Quỹ theo sự phân công của Hội đồng quản lý Quỹ và thực hiện nhiệm vụ theo sự uỷ quyền của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ.

Điều 11. Giám đốc Quỹ

1. Giám đốc Quỹ do Hội đồng quản lý Quỹ bổ nhiệm trong số thành viên Hội đồng hoặc thuê người khác làm Giám đốc Quỹ.

2. Giám đốc Quỹ là người điều hành công việc hằng ngày của Quỹ, chịu sự giám sát của Hội đồng quản lý Quỹ, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản lý Quỹ và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Nhiệm kỳ của Giám đốc Quỹ không quá 05 năm, có thể được bổ nhiệm lại.

3. Giám đốc Quỹ có các nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

a) Điều hành và quản lý các hoạt động của Quỹ, chấp hành các định mức chi tiêu của Quỹ theo đúng Nghị quyết và các quy chế quản lý tài chính do Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt, Điều lệ Quỹ và các quy định của pháp luật;

b) Ban hành các văn bản, quy định thuộc trách nhiệm và thẩm quyền điều hành của Giám đốc và chịu trách nhiệm về các quyết định của mình;

c) Báo cáo định kỳ về tình hình hoạt động của Quỹ với Chủ tịch và Hội đồng quản lý Quỹ và cơ quan có thẩm quyền;

d) Chịu trách nhiệm quản lý tài sản của Quỹ theo quy chế hoạt động nội bộ của Quỹ, Điều lệ Quỹ và quy định của pháp luật về quản lý tài chính, tài sản;

đ) Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ bổ nhiệm Phó Giám đốc và lãnh đạo các đơn vị trực thuộc;

e) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ Quỹ, quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ và các quy định của pháp luật.

4. Phó Giám đốc Quỹ: do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ bổ nhiệm theo đề nghị của Giám đốc. Phó Giám đốc giúp Giám đốc điều hành một số lĩnh vực theo sự phân công của Giám đốc.

Điều 12. Phụ trách kế toán của Quỹ

1. Người phụ trách kế toán Quỹ do Hội đồng quản lý Quỹ bổ nhiệm hoặc bổ nhiệm theo đề nghị của Giám đốc Quỹ và thực hiện tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm, bãi miễn, thay thế phụ trách kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán.

2. Người được giao phụ trách kế toán của Quỹ có trách nhiệm giúp Giám đốc Quỹ tổ chức, thực hiện công tác kế toán, thống kê của Quỹ theo quy định của pháp luật.

3. Không bổ nhiệm người phụ trách kế toán thuộc trường hợp những người không được làm kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán.

4. Người phụ trách kế toán chịu trách nhiệm quyết toán khi thực hiện sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể Quỹ hoặc chuyển công tác khác.

Điều 13. Ban Kiểm soát Quỹ

1. Ban Kiểm soát Quỹ do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ quyết định thành lập theo Nghị quyết của Hội đồng quản lý Quỹ. Ban Kiểm soát Quỹ gồm: Trưởng ban, 01 Phó trưởng ban và tối thiểu 01 ủy viên. Ủy viên Ban Kiểm soát Quỹ là công dân Việt Nam, được bầu với số phiếu tín nhiệm trên 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản lý Quỹ. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát Quỹ cùng với nhiệm kỳ của Hội đồng quản lý Quỹ.

2. Ban Kiểm soát Quỹ hoạt động độc lập và có nhiệm vụ sau đây:

- a) Kiểm tra, giám sát hoạt động của Quỹ theo Điều lệ Quỹ và các quy định của pháp luật;
- b) Giải quyết đơn, thư phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của tổ chức, công dân gửi đến Quỹ liên quan đến tổ chức, hoạt động của Quỹ;
- c) Báo cáo, kiến nghị với Hội đồng quản lý Quỹ về kết quả kiểm tra, giám sát và tình hình tài chính của Quỹ.

Điều 14. Văn phòng và phòng, Ban chuyên môn

1. Văn phòng Quỹ được thành lập theo quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ, là bộ phận thường trực giúp việc cho Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Hội đồng quản lý Quỹ và Giám đốc trong việc điều hành, quản lý hoạt động của Quỹ.

2. Các phòng, Ban chuyên môn là đơn vị phụ thuộc của Quỹ do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định việc thành lập và hoạt động của các phòng, Ban chuyên môn theo quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ.

Điều 15. Chi nhánh, văn phòng đại diện và đơn vị trực thuộc (nếu có)

1. Quỹ được thành lập chi nhánh hoặc văn phòng đại diện ở các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Hội đồng quản lý Quỹ quyết định việc thành lập và hoạt động của chi nhánh hoặc văn phòng đại diện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ.

2. Chi nhánh hoặc Văn phòng đại diện là đơn vị phụ thuộc của Quỹ, hoạt động theo quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ. Quỹ chịu trách nhiệm về hoạt động của chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Quỹ. Hội đồng quản lý Quỹ quy định cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn của chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Quỹ.

3. Hoạt động của chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Quỹ chịu sự quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi Quỹ đặt chi nhánh hoặc văn phòng đại diện.

4. Quỹ được thành lập đơn vị trực thuộc (nếu có) phù hợp với lĩnh vực hoạt động, tôn chỉ, mục đích và quy định của pháp luật.

5. Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày Quỹ có quyết định thành lập chi nhánh hoặc văn phòng đại diện ở các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác với trụ sở chính của Quỹ thì Quỹ gửi 01 bộ hồ sơ thông báo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập Quỹ theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Nghị định số 93/2019/NĐ-CP và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi Quỹ đặt chi nhánh hoặc văn phòng đại diện.

Chương IV

VẬN ĐỘNG QUYÊN GÓP, TIẾP NHẬN TÀI TRỢ, ĐỐI TƯỢNG VÀ ĐIỀU KIỆN HỖ TRỢ

Điều 16. Vận động quyên góp, tiếp nhận tài trợ

1. Quỹ được vận động quyên góp, vận động tài trợ trong nước và nước ngoài nhằm thực hiện mục đích hoạt động theo quy định của Điều lệ Quỹ và theo quy định của pháp luật.

2. Các khoản vận động quyên góp, tài trợ của các cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước cho Quỹ phải được nộp ngay vào Quỹ theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời công khai thông tin qua trang thông tin điện tử của tổ chức (nếu có) để công chúng và các nhà tài trợ có điều kiện kiểm tra, giám sát. Đối với khoản tài trợ có mục đích, mục tiêu phải thực hiện đúng theo yêu cầu của nhà tài trợ.

3. Việc đóng góp hỗ trợ khắc phục khó khăn khi xảy ra thiên tai, hỏa hoạn, sự cố nghiêm trọng làm thiệt hại lớn về người và tài sản của nhân dân do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định đóng góp theo hướng dẫn của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Điều 17. Nguyên tắc vận động quyên góp, tiếp nhận tài trợ

1. Việc vận động tài trợ, vận động quyên góp bằng tiền, hiện vật, công sức của cá nhân, tổ chức phải dựa trên cơ sở tự nguyện đóng góp, Quỹ không tự đặt ra mức huy động đóng góp tối thiểu để buộc cá nhân, tổ chức thực hiện.

2. Việc quyên góp, tiếp nhận, quản lý, sử dụng tiền, hiện vật từ cá nhân, tổ chức đóng góp cho Quỹ phải công khai, minh bạch và phải chịu sự thanh tra, kiểm tra, giám sát theo Quy chế hoạt động nội bộ của Quỹ, Điều lệ Quỹ và quy định của pháp luật.

3. Nội dung vận động quyên góp, tiếp nhận tài trợ phải công khai, minh bạch, bao gồm: mục đích vận động quyên góp, tài trợ; kết quả vận động quyên góp, tài trợ; việc sử dụng, kết quả sử dụng và báo cáo quyết toán.

4. Hình thức công khai bao gồm:

a) Niêm yết công khai tại nơi tiếp nhận quyên góp, tài trợ và nơi nhận cứu trợ, trợ giúp;

b) Thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng;

c) Cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Đối tượng, điều kiện nhận hỗ trợ, tài trợ

1. Đối tượng nhận hỗ trợ, tài trợ: Đối tượng hướng đến chủ yếu của Quỹ là các hộ nghèo, hộ có thu nhập thấp như sau:

a) Các đối tượng là hộ nghèo:

- Khu vực nông thôn, miền núi, vùng đặc biệt khó khăn: những hộ có mức thu nhập bình quân từ 400.000 đồng/người/tháng (4.800.000 đồng/người/năm) trở xuống;

- Khu vực thành thị: những hộ có mức thu nhập bình quân từ 500.000 đồng/người/tháng (dưới 6.000.000 đồng/người/năm) trở xuống.

b) Các hộ có thu nhập thấp (cận nghèo):

- Khu vực nông thôn: những hộ có mức thu nhập bình quân từ 401.000 đồng đến 520.000 đồng/người/tháng;

- Khu vực thành thị: những hộ có mức thu nhập bình quân từ 501.000 đồng đến 650.000 đồng/người/tháng.

c) Căn cứ vào điều kiện, tình hình cụ thể việc xác định tiêu chuẩn hộ gia đình thuộc đối tượng thụ hưởng của Quỹ sẽ được điều chỉnh phù hợp với từng thời kỳ và theo quy định.

2. Điều kiện nhận hỗ trợ, tài trợ: Hội đồng quản lý Quỹ quy định cụ thể trình tự, thủ tục, thẩm quyền, thời gian, điều kiện xét nhận tài trợ, hỗ trợ của Quỹ phù hợp với Quy chế hoạt động nội bộ của Quỹ, Điều lệ Quỹ và quy định của pháp luật.

Chương V **QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG TÀI SẢN, TÀI CHÍNH**

Điều 19. Nguồn thu

1. Thu từ đóng góp tự nguyện, tài trợ hợp pháp của tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước phù hợp với quy định của pháp luật. Nguồn thu của Quỹ không bao gồm nguồn tài sản của các sáng lập viên theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 93/2019/NĐ-CP.

2. Thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ hoặc các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

3. Kinh phí do ngân sách nhà nước hỗ trợ (nếu có), bao gồm:

a) Thực hiện các nhiệm vụ do cơ quan nhà nước giao;

b) Thực hiện các dịch vụ công, đề tài nghiên cứu khoa học, các chương trình mục tiêu, đề án do Nhà nước đặt hàng.

4. Thu từ lãi tiền gửi, lãi trái phiếu Chính phủ.

5. Các khoản thu hợp pháp khác (nếu có).

Điều 20. Sử dụng Quỹ

1. Nguyên tắc chi: tiết kiệm, hiệu quả theo đúng tôn chỉ, mục đích, nhiệm vụ và đối tượng của Quỹ, phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ.

2. Chi cho các hoạt động để thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Quỹ theo quy định tại Điều 5, Điều 6 Điều lệ này.

3. Chi tài trợ, hỗ trợ cho các đối tượng được quy định tại Điều 18 Điều lệ này phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Quỹ.

4. Chi tài trợ theo sự ủy nhiệm của tổ chức, cá nhân và thực hiện các dự án tài trợ có địa chỉ theo quy định của pháp luật.

5. Chi thực hiện các dịch vụ công, đề tài nghiên cứu khoa học, các chương trình mục tiêu, đề án do Nhà nước đặt hàng hoặc các nhiệm vụ khác do cơ quan nhà nước giao (nếu có).

6. Chi cho hoạt động quản lý Quỹ.

7. Mua trái phiếu Chính phủ, gửi tiết kiệm đối với tiền nhàn rỗi của Quỹ (không bao gồm kinh phí ngân sách nhà nước cấp, nếu có).

8. Việc tiếp nhận, sử dụng viện trợ từ tổ chức phi chính phủ nước ngoài thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng viện trợ phi chính phủ nước ngoài và các văn bản có liên quan.

9. Chi thực hiện hoạt động cung cấp dịch vụ hoặc các hoạt động khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ.

Điều 21. Nội dung chi cho hoạt động quản lý Quỹ

1. Chi tiền lương và các khoản phụ cấp cho bộ máy quản lý Quỹ.

2. Chi bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế và các khoản đóng góp theo quy định.

3. Chi thuê trụ sở, văn phòng làm việc (nếu có).

4. Chi mua sắm, sửa chữa vật tư, trang thiết bị Văn phòng, tài sản phục vụ hoạt động của Quỹ.

5. Chi thanh toán dịch vụ công cộng phục vụ hoạt động của Quỹ.

6. Chi các khoản công tác phí phát sinh khi đi làm các nhiệm vụ vận động, tiếp nhận, vận chuyển, phân phối tiền, hàng cứu trợ.

7. Chi cho các hoạt động liên quan đến việc thực hiện các nhiệm vụ chung trong quá trình vận động, tiếp nhận, vận chuyển, phân phối tiền, hàng cứu trợ (tiền thuê kho, bến bãi; chi phí đóng thùng, vận chuyển hàng hóa; chi phí chuyên tiền; chi phí liên quan đến phân bổ tiền, hàng cứu trợ).

8. Các khoản chi khác có liên quan đến hoạt động của Quỹ theo quy định của Hội đồng quản lý Quỹ, Điều lệ Quỹ và quy định của pháp luật.

9. Định mức chi hoạt động quản lý Quỹ:

a) Hội đồng quản lý Quỹ quy định cụ thể tỷ lệ chi cho hoạt động quản lý Quỹ, không quá 5% tổng thu hàng năm của Quỹ (không bao gồm các khoản: Tài trợ bằng hiện vật, tài trợ của Nhà nước để thực hiện các dịch vụ công, đề tài nghiên cứu khoa học, các chương trình mục tiêu, đề án do Nhà nước đặt hàng và các khoản tài trợ có số tiền, địa chỉ của người nhận);

b) Trường hợp nhu cầu chi thực tế cho hoạt động quản lý Quỹ vượt quá 5% tổng thu hàng năm của Quỹ thì Hội đồng quản lý Quỹ quy định mức chi nhưng tối đa không vượt quá 10% tổng thu hàng năm của Quỹ;

c) Trường hợp chi phí quản lý của Quỹ đến cuối năm không sử dụng hết

được chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ.

Điều 22. Quản lý tài chính, tài sản của Quỹ

1. Hội đồng quản lý Quỹ ban hành các quy định về quản lý và sử dụng tài sản, tài chính, các định mức chi tiêu của Quỹ; phê duyệt tỷ lệ chi cho hoạt động quản lý Quỹ, chuẩn y kế hoạch tài chính và xét duyệt quyết toán tài chính hàng năm của Quỹ.

2. Ban Kiểm soát Quỹ có trách nhiệm kiểm tra, giám sát hoạt động của Quỹ và báo cáo, kiến nghị với Hội đồng quản lý Quỹ về tình hình quản lý hoạt động, tài chính và tài sản của Quỹ.

3. Giám đốc Quỹ chấp hành các quy định về quản lý và sử dụng tài sản, tài chính, nguồn thu, các định mức chi tiêu của Quỹ theo đúng Nghị quyết của Hội đồng quản lý Quỹ trên cơ sở nhiệm vụ hoạt động đã được Hội đồng quản lý Quỹ thông qua; không được sử dụng tài sản, tài chính của Quỹ vào các hoạt động khác ngoài tôn chỉ, mục đích của Quỹ.

4. Hội đồng quản lý Quỹ và Giám đốc Quỹ có trách nhiệm công khai tình hình tài sản, tài chính của Quỹ hàng quý, năm theo các nội dung sau:

a) Danh sách, số tiền, hiện vật đóng góp, tài trợ, ủng hộ của các tổ chức, cá nhân cho Quỹ;

b) Danh sách, số tiền, hiện vật tổ chức, cá nhân được nhận từ Quỹ; công khai kết quả sử dụng và quyết toán thu, chi từng khoản đóng góp;

c) Báo cáo tình hình tài sản, tài chính và quyết toán quý, năm của Quỹ theo từng nội dung thu, chi theo Luật Kế toán và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

5. Đối với các khoản chi theo từng đợt vận động, việc báo cáo được thực hiện theo quy định hiện hành về vận động, tiếp nhận, phân phối và sử dụng các nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ nhân dân khắc phục khó khăn do thiên tai, hỏa hoạn, các bệnh nhân mắc bệnh hiểm nghèo.

6. Quỹ phải thực hiện công khai báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán quỹ và kết luận của kiểm toán (nếu có) trên phương tiện thông tin đại chúng hàng năm theo quy định hiện hành.

Điều 23. Xử lý tài sản của Quỹ khi hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, đình chỉ có thời hạn hoạt động và giải thể Quỹ

1. Trường hợp Quỹ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thì toàn bộ tiền và tài sản của Quỹ phải được tiến hành kiểm kê và có biên bản kiểm kê trước khi sáp nhập, hợp nhất, chia, tách; tuyệt đối không được phân chia tài sản của Quỹ. Tiền và tài sản của Quỹ mới được sáp nhập, hợp nhất, chia, tách phải bằng tổng số tiền và tài sản của Quỹ trước khi sáp nhập, hợp nhất, chia, tách theo biên bản kiểm kê tiền và tài sản. Tổng số tiền và tài sản của các Quỹ mới được chia, tách phải bằng với số tiền và tài sản của Quỹ trước khi chia, tách theo biên bản kiểm kê tiền và tài sản.

2. Trường hợp Quỹ bị đình chỉ hoạt động có thời hạn thì toàn bộ tiền và tài sản của Quỹ phải được kiểm kê và giữ nguyên hiện trạng tài sản. Trong thời gian bị đình chỉ có thời hạn hoạt động, Quỹ chỉ được chi các khoản có tính chất thường xuyên cho bộ máy hoạt động đến khi có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Trường hợp Quỹ bị giải thể, không được phân chia tài sản của Quỹ. Việc bán, thanh lý tài sản của Quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

4. Toàn bộ số tiền hiện có của Quỹ và tiền thu được do bán, thanh lý tài sản của Quỹ khi Quỹ giải thể được thanh toán theo thứ tự sau:

a) Chi phí giải thể Quỹ;

b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế đối với người lao động theo quy định của pháp luật và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

c) Nợ thuế và các khoản phải trả khác.

5. Đối với tài sản, tài chính tự có của Quỹ và tài sản, tài chính của tổ chức trong và ngoài nước tài trợ còn lại của Quỹ do cơ quan thuộc cấp nào cho phép thành lập thì được nộp vào ngân sách cấp đó. Đối với tài sản do ngân sách nhà nước cấp hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước (nếu có) Quỹ thực hiện chuyển giao cho Nhà nước để thực hiện xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý sử dụng tài sản công.

Chương VI

HỢP NHẤT, SÁP NHẬP, CHIA, TÁCH, ĐỔI TÊN; ĐÌNH CHỈ CÓ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ GIẢI THỂ QUỸ

Điều 24. Hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, đổi tên Quỹ

1. Việc hợp nhất, sáp nhập, chia, tách và đổi tên Quỹ thực hiện theo quy định của Bộ Luật dân sự, Điều 39 Nghị định số 93/2019/NĐ-CP và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Hội đồng quản lý Quỹ có trách nhiệm tổ chức thực hiện quyết định hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, đổi tên Quỹ theo quy định của pháp luật.

Điều 25. Đình chỉ có thời hạn hoạt động của Quỹ

Quỹ bị đình chỉ có thời hạn hoạt động 06 tháng khi vi phạm một trong những quy định tại khoản 1 Điều 40 Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện.

Điều 26. Giải thể Quỹ

1. Việc giải thể Quỹ thực hiện theo quy định tại Điều 41 Nghị định số 93/2019/NĐ-CP và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Hội đồng quản lý Quỹ có trách nhiệm tổ chức thực hiện quyết định giải thể Quỹ theo quy định của pháp luật.

Chương VII

KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

Điều 27. Khen thưởng

1. Tổ chức, cá nhân có nhiều đóng góp cho hoạt động của Quỹ sẽ được Hội đồng quản lý Quỹ khen thưởng hoặc được Hội đồng quản lý Quỹ đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Hội đồng quản lý Quỹ quy định cụ thể hình thức, thủ tục, thẩm quyền, trình tự xét khen thưởng trong nội bộ Quỹ.

Điều 28. Kỷ luật

1. Tổ chức thuộc Quỹ, những người làm việc tại Quỹ vi phạm quy định của Điều lệ này, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Nếu gây thiệt hại vật chất phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Hội đồng quản lý Quỹ quy định cụ thể hình thức, thủ tục, thẩm quyền, trình tự xem xét, quyết định kỷ luật trong nội bộ Quỹ.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 29. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ phải được ít nhất 2/3 thành viên Hội đồng quản lý Quỹ thông qua.

2. Mọi sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ phải được lập thành văn bản có chữ ký của các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ và được Bộ trưởng Bộ Nội vụ công nhận mới có hiệu lực thi hành.

Điều 30. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Quỹ hỗ trợ hộ gia đình thu nhập thấp phát triển kinh tế gồm 08 Chương, 30 Điều có hiệu lực thi hành kể từ ngày được Bộ trưởng Bộ Nội vụ công nhận.

2. Căn cứ các quy định pháp luật về quỹ xã hội, quỹ từ thiện và Điều lệ Quỹ đã được công nhận, Hội đồng quản lý Quỹ hỗ trợ hộ gia đình thu nhập thấp phát triển kinh tế có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Điều lệ này./.